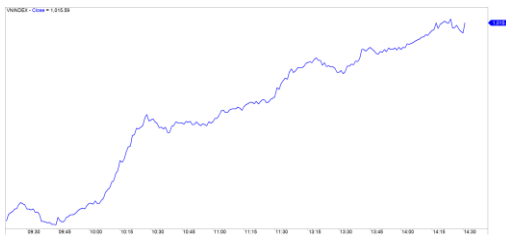


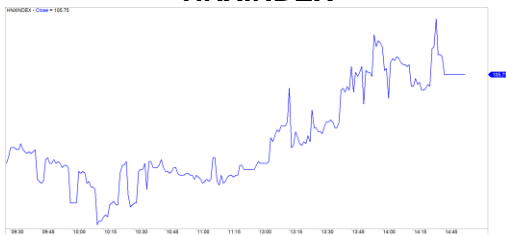
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
<b>Điểm</b>	1,015.59	105.75	56.22
% ngày	1.68%	0.53%	-0.02%
% tuần	1.91%	0.99%	-0.51%
% tháng	1.60%	-0.09%	-1.09%
% năm	11.85%	2.30%	9.57%
<b>GTGD (Tỷ VND)</b>			
Trong ngày	5,028	507	190
TB 1 tuần	4,065	643	208
TB 1 tháng	3,923	406	222
<b>Khối ngoại (Tỷ VND)</b>			
Mua	881.70	147.55	22.93
Bán	627.68	4.68	31.19
Giá trị ròng	254.02	142.86	-8.26
<b>Độ rộng TT</b>			
Mã Tăng	137	72	170
Mã Giảm	143	53	118
Không Đổi	106	243	613
<b>Chỉ số chính</b>			
P/E	16.15	9.18	17.78
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,390	189	983
LS Cổ tức	1.41%	4.80%	5.24%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

### VNINDEX



### HNIINDEX



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

VN-Index có phiên giao dịch thăng hoa khi tăng 1.68% cũng là mức tăng mạnh nhất từ 04.2019 cho tới nay. Chỉ số đóng cửa ở mức cao nhất phiên tại 1015.59 điểm. Chỉ số HNX-Index cùng chiều tăng 0.53% dừng 105.75 điểm. Chỉ số Upcom-Index đóng cửa giảm nhẹ. Đà tăng có sự đồng thuận của dòng tiền với giá trị giao dịch khớp lệnh tăng mạnh lên hơn 4,500 tỷ đồng trên toàn thị trường.

Điểm nhấn nổi bật hôm nay là cổ phiếu họ Vingroup với VIC tăng 2.9%, VHM tăng hết biên độ, VRE tăng 5.6% sau thông tin mua vào cổ phiếu quỹ của hai cổ phiếu này. Đây là 3 cổ phiếu tác động lớn đến đà tăng của Index phiên cuối tuần. Không những vậy, nhiều bluechip khác cũng tăng rất khá như BVH, MSN, VNM, CTG, DPM, VCB, GAS, BID đều tăng từ 1% trở lên. Độ rộng thị trường tích cực với VN30-Index có 20 mã tăng và chỉ 5 mã giảm trong khi VN-Index là 165 mã tăng và 152 mã giảm. Nhiều mã ngoài VN30-Index cũng có mức tăng mạnh như HCM(+4.8%), HVN(+4.3%), POW(+3.8%), AAA(+3.6%) hay cá mã đầu cơ như HVG(+6.9%), TSC(+6.4%), HAI(+3.9%) cho thấy đà tăng có hiệu ứng lan tỏa.

Khối ngoại cũng ghi thêm dấu cộng vào bức tranh thị trường khi mua ròng mạnh 388 tỷ đồng trên cả ba sàn. NVB, VRE được mua ròng nhiều nhất lần lượt 141.5 tỷ và 103.9 tỷ đồng. Ở chiều ngược lại, KDH, MSN dẫn đầu danh sách bán ròng với 46.1 tỷ và 23 tỷ đồng.

## QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ điều chỉnh vào các phiên giao dịch đầu tuần. Dòng tiền sẽ tiếp tục tập trung chủ yếu ở nhóm Largecaps, đặc biệt các chỉ số VN-Index và VN30 đã có dấu hiệu bước vào giai đoạn biến động mạnh theo chiều hướng tích cực cho thấy xu hướng tăng của chỉ số VN-Index có thể tiếp tục mở rộng về mức cao mới và chúng tôi vẫn đặt kỳ vọng mức cao nhất chỉ số VN-Index đạt được là 1,100 điểm trong năm 2019. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tăng mạnh cho thấy cơ hội giải ngân mới gia tăng trở lại.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn của chỉ số VN-Index với mức hỗ trợ ở mức 990.46 điểm và mức GIẢM xu hướng ngắn hạn của chỉ số HNX-Index với mức kháng cự ở mức 106.27 điểm. Đồng thời, chúng tôi nâng mức xu hướng ngắn hạn của chỉ số VN30 từ GIẢM lên TĂNG. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tận dụng nhịp điều chỉnh để gia tăng tỷ trọng cổ phiếu và nên tập trung vào nhóm Largecaps.

**Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 52% cổ phiếu/48% tiền.**

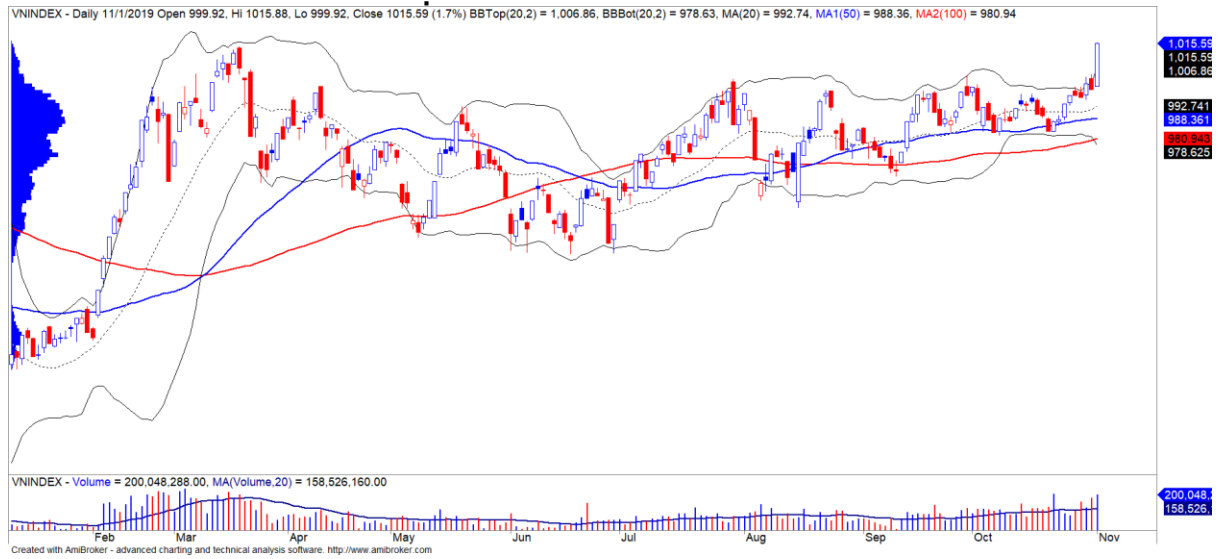
**Tỷ trọng khuyến nghị trung hạn: 47% cổ phiếu/53% tiền.**

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create Fortune

### BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	TĂNG	997	1,000	988	953
Chỉ số HNX-Index	GIẢM	GIẢM	106	108	99	90
Chỉ số VN30	GIẢM	TĂNG	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	GIẢM	TĂNG	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	TĂNG	835	845	822	804



We Create Fortune

**BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU**

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	15.75	TĂNG	GIẢM		15.45				16.59		
ACB	24.20	TĂNG	TĂNG	24.30	23.45	-0.41%		24.00	21.78	0.83%	
ACV	80.00	TĂNG	GIẢM	75.80	76.83	5.54%			83.54		
ANV	26.40	TĂNG	GIẢM	25.90	25.84	1.93%			27.58		
ASM	6.60	GIẢM	TĂNG		7.07			7.61	6.38	-13.27%	
BFC	15.20	GIẢM	GIẢM		15.68				16.69		
BID	41.00	GIẢM	TĂNG		41.24			33.40	37.21	22.75%	
BMP	53.00	TĂNG	TĂNG	51.80	52.57	2.32%		48.30	48.32	9.73%	
BSR	9.80	GIẢM	GIẢM		10.00				10.51		
BVH	74.00	TĂNG	GIẢM	74.00	72.54	0.00%	MUA		76.84		
BWE	25.25	GIẢM	GIẢM		26.29			20.00	25.45	27.27%	BÁN
CEO	9.50	GIẢM	GIẢM		9.83				10.31		
CII	24.50	GIẢM	TĂNG		24.87			24.45	22.23	0.20%	
CMG	38.40	TĂNG	TĂNG	38.90	37.08	-1.29%		23.20	34.96	65.52%	
CMX	17.00	GIẢM	GIẢM		20.33				26.80		
CSM	14.75	GIẢM	TĂNG		15.10			14.39	14.22	2.50%	
CTD	76.10	GIẢM	GIẢM		82.73				96.25		
CTG	22.30	TĂNG	TĂNG	21.30	21.47	4.69%		22.00	19.85	1.36%	
CTR	49.30	TĂNG	N/A	46.50	47.26	6.02%		-	N/A		
CVT	23.10	TĂNG	TĂNG	21.25	22.63	8.71%		20.35	20.61	13.51%	
DCM	7.36	GIẢM	TĂNG		7.59			8.54	7.15	-13.82%	
DGC	26.00	GIẢM	GIẢM		26.59				28.96		
DGW	25.90	TĂNG	TĂNG	24.60	25.26	5.28%		23.50	23.07	10.21%	
DHA	30.00	GIẢM	GIẢM		31.51				34.57		
DHC	37.70	TĂNG	TĂNG	33.00	34.69	14.24%		37.70	35.33	0.00%	MUA
DHG	92.50	TĂNG	GIẢM	93.50	90.80	-1.07%			99.56		
DIG	13.40	GIẢM	TĂNG		14.31			13.90	13.14	-3.60%	
DPG	45.85	TĂNG	GIẢM	46.60	43.60	-1.61%			50.61		
DPM	13.90	GIẢM	TĂNG		14.60			14.95	13.37	-7.02%	
DPR	36.80	TĂNG	GIẢM	37.60	36.46	-2.13%			40.40		
DQC	16.95	GIẢM	GIẢM		18.21				20.25		
DRC	23.25	GIẢM	TĂNG		24.39			21.60	21.72	7.64%	
DXG	15.40	GIẢM	TĂNG		16.40			15.50	14.86	-0.65%	
EIB	16.50	GIẢM	GIẢM		17.06				17.85		
FCN	12.15	GIẢM	GIẢM		12.69				13.36		



We Create Fortune

FMC	27.15	GIẢM	TĂNG	27.95	27.21	-2.65%	BÁN	31.60	26.18	-14.08%	
FPT	58.50	TĂNG	TĂNG	58.20	56.33	0.52%		46.00	52.88	27.17%	
GAS	104.50	TĂNG	GIẢM	104.50	104.01	0.00%	MUA		109.55		
GEX	21.00	TĂNG	TĂNG	21.50	20.07	-2.33%		20.20	20.77	3.96%	
GIL	20.90	GIẢM	GIẢM		22.50				22.88		
GMD	26.70	TĂNG	TĂNG	27.40	26.51	-2.55%		28.50	26.02	-6.32%	
GTN	20.40	TĂNG	TĂNG	20.00	19.95	2.00%		15.00	18.39	36.00%	
GVR	13.90	TĂNG	N/A	14.50	13.69	-4.14%			N/A		
HAG	4.23	TĂNG	GIẢM	4.46	4.21	-5.16%			4.83		
HAX	17.80	GIẢM	GIẢM		20.67			23.25	18.34	-21.10%	BÁN
HBC	12.95	GIẢM	GIẢM		13.80				15.19		
HCM	23.90	TĂNG	TĂNG	23.90	23.30	0.00%	MUA	23.40	21.08	2.14%	
HDB	29.30	TĂNG	TĂNG	26.30	28.35	11.41%		28.00	26.40	4.64%	
HDC	21.95	GIẢM	TĂNG		23.10			15.25	20.01	43.93%	
HDG	35.35	GIẢM	TĂNG		36.25			35.30	32.61	0.14%	
HNG	14.80	GIẢM	GIẢM		15.51				16.99		
HPG	21.90	TĂNG	GIẢM	22.20	21.53	-1.35%			23.82		
HSG	7.20	TĂNG	GIẢM	7.19	6.90	0.14%			7.42		
HT1	16.90	TĂNG	TĂNG	16.55	16.10	2.11%		16.90	16.70	0.00%	MUA
HUT	2.40	TĂNG	GIẢM	2.40	2.38	0.00%			2.71		
HVN	36.50	TĂNG	GIẢM	36.50	35.91	0.00%	MUA		36.93		
KBC	14.55	GIẢM	TĂNG		15.34			15.35	13.91	-5.21%	
KDH	26.00	TĂNG	TĂNG	25.80	25.77	0.78%		24.00	23.87	8.33%	
KSB	18.55	GIẢM	GIẢM		20.29				23.17		
LCG	8.18	GIẢM	GIẢM		8.54				9.43		
LDG	10.30	GIẢM	TĂNG		10.75			9.89	10.08	4.15%	
LHG	15.20	GIẢM	GIẢM		15.80				17.63		
LPB	7.50	TĂNG	GIẢM	7.70	7.30	-2.60%			8.13		
MBB	22.95	GIẢM	TĂNG		23.50			21.85	21.72	5.03%	
MPC	22.20	GIẢM	GIẢM		23.35				27.72		
MSN	75.70	GIẢM	GIẢM		76.49				81.47		
MSR	16.60	GIẢM	GIẢM		17.18				18.90		
MWG	125.20	TĂNG	TĂNG	127.50	124.02	-1.80%		88.70	114.74	41.15%	
NDN	16.60	GIẢM	TĂNG		17.05			13.70	16.27	21.17%	
NKG	6.06	TĂNG	GIẢM	5.84	5.93	3.77%			6.45		
NLG	28.75	TĂNG	TĂNG	28.60	27.93	0.52%		28.70	26.73	0.17%	
NT2	23.10	GIẢM	GIẢM		23.57				24.95		
NTL	22.65	TĂNG	GIẢM	22.90	22.12	-1.09%			25.17		
NVL	59.00	GIẢM	TĂNG		61.45			63.00	58.45	-6.35%	

We Create Fortune

OIL	10.30	GIẢM	GIẢM		10.81				12.16		
PAC	26.70	GIẢM	GIẢM		27.88				31.03		
PC1	18.90	GIẢM	TĂNG		19.90			21.10	18.48	-10.43%	
PDR	26.00	GIẢM	TĂNG		26.43			29.00	25.01	-10.34%	
PHR	58.70	GIẢM	GIẢM		62.65				65.37		
PLX	59.40	TĂNG	GIẢM	59.30	57.61	0.17%			61.98		
PNJ	83.30	TĂNG	TĂNG	81.90	81.07	1.71%		104.00	78.69	-19.90%	
POW	13.55	TĂNG	GIẢM	12.90	12.85	5.04%			13.98		
PVT	17.30	TĂNG	TĂNG	17.30	17.22	0.00%	MUA	18.30	16.28	-5.46%	
PPC	26.20	TĂNG	GIẢM	26.20	26.13	0.00%	MUA		28.36		
PTB	73.80	TĂNG	TĂNG	69.70	72.71	5.88%		64.00	68.01	15.31%	
PVB	19.00	GIẢM	TĂNG		20.09			20.10	18.62	-5.47%	
PVD	16.40	GIẢM	TĂNG		16.92			18.10	15.96	-9.39%	
PVI	32.20	TĂNG	GIẢM	33.20	31.12	-3.01%			36.38		
PVS	18.60	GIẢM	GIẢM		18.92				20.75		
PXS	5.24	TĂNG	TĂNG	4.76	4.50	10.08%			5.20		
QNS	29.20	TĂNG	TĂNG	29.40	28.79	-0.68%		33.80	27.80	-13.61%	
REE	37.65	TĂNG	TĂNG	37.95	36.39	-0.79%		33.33	35.23	12.98%	
SAB	260.00	TĂNG	GIẢM	260.00	251.93	0.00%			270.96		
SAM	8.15	TĂNG	TĂNG	7.99	7.98	2.00%		7.40	7.47	10.14%	
SCR	6.20	GIẢM	GIẢM		6.29				6.65		
SHI	9.20	GIẢM	TĂNG		9.42			6.99	8.30	31.62%	
SJS	14.50	GIẢM	GIẢM		15.41			-	17.16		
SKG	11.00	GIẢM	GIẢM		11.78				11.70		
SSI	21.50	GIẢM	GIẢM		21.61				22.27		
STB	10.90	GIẢM	GIẢM		11.15				11.09		
TCB	23.75	TĂNG	TĂNG	22.65	23.69	4.86%		22.65	22.18	4.86%	
TCM	21.75	GIẢM	GIẢM		22.65				25.14		
TDH	9.80	GIẢM	GIẢM		10.51				11.77		
TLH	3.65	GIẢM	GIẢM		4.17				4.75		
TNG	15.80	GIẢM	GIẢM		16.45				19.09		
VCB	88.80	TĂNG	TĂNG	80.00	85.24	11.00%		62.00	79.18	43.23%	
VCG	26.80	TĂNG	TĂNG	27.00	26.36	-0.74%		19.20	24.59	39.58%	
VCS	86.20	GIẢM	GIẢM		91.88				102.93		
VGC	18.90	TĂNG	GIẢM	20.00	18.77	-5.50%			20.53		
VGT	8.70	GIẢM	GIẢM		8.98				9.78		
VHC	81.50	TĂNG	GIẢM	81.30	78.11	0.25%			87.01		
VHM	95.20	TĂNG	TĂNG	88.80	86.72	7.21%		90.20	81.06	5.54%	
VIB	17.80	GIẢM	TĂNG		18.35			17.70	16.56	0.56%	



We Create Fortune

VIC	122.50	TĂNG	TĂNG	119.60	117.09	2.42%		112.00	113.76	9.38%	
VIP	5.06	TĂNG	GIẢM	5.15	4.96	-1.75%			5.40		
VJC	145.50	TĂNG	TĂNG	139.40	142.66	4.38%		124.50	134.37	16.87%	
VND	13.70	GIẢM	GIẢM		14.02				14.93		
VNG	22.50	TĂNG	TĂNG	19.10	22.07	17.80%		20.20	20.93	11.39%	
VNM	132.40	GIẢM	TĂNG		134.72			130.10	124.25	1.77%	
VPB	21.50	GIẢM	TĂNG		22.35			20.30	20.56	5.91%	
VPI	42.20	TĂNG	TĂNG	42.20	40.28	0.00%		41.30	39.68	2.18%	
VRC	16.10	TĂNG	GIẢM	16.05	15.35	0.31%			16.26		
VRE	35.05	TĂNG	TĂNG	32.70	32.25	7.19%		35.05	34.98	0.00%	MUA
VSC	25.70	GIẢM	GIẢM		26.59				28.69		

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGE CAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	24.20	TĂNG	TĂNG	24.30	23.45	-0.41%		24.00	21.78	0.83%	
BID	41.00	GIẢM	TĂNG		41.24			33.40	37.21	22.75%	
BSR	9.80	GIẢM	GIẢM		10.00				10.51		
BVH	74.00	TĂNG	GIẢM	74.00	72.54	0.00%	MUA		76.84		
CTG	22.30	TĂNG	TĂNG	21.30	21.47	4.69%		22.00	19.85	1.36%	
FPT	58.50	TĂNG	TĂNG	58.20	56.33	0.52%		40.23	52.88	45.43%	
GAS	104.50	TĂNG	GIẢM	104.50	104.01	0.00%	MUA		109.55		
GEX	21.00	TĂNG	TĂNG	21.50	20.07	-2.33%		20.26	20.77	3.65%	
GVR	13.90	TĂNG	N/A	14.50	13.69	-4.14%			N/A		
HDB	29.30	TĂNG	TĂNG	26.30	28.35	11.41%		28.00	26.40	4.64%	
HNG	14.80	GIẢM	GIẢM		15.51				16.99		
HPG	21.90	TĂNG	GIẢM	22.20	21.53	-1.35%			23.82		
HVN	36.50	TĂNG	GIẢM	36.50	35.91	0.00%	MUA		36.93		
KDH	26.00	TĂNG	TĂNG	25.80	25.77	0.78%		24.00	23.87	8.33%	
MBB	22.95	GIẢM	TĂNG		23.50			19.72	21.72	16.38%	
MSN	75.70	GIẢM	GIẢM		76.49				81.47		
MWG	125.20	TĂNG	TĂNG	127.50	124.02	-1.80%		88.70	114.74	41.15%	
NVL	59.00	GIẢM	TĂNG		61.45			63.00	58.45	-6.35%	
OIL	10.30	GIẢM	GIẢM		10.81				12.16		
PLX	59.40	TĂNG	GIẢM	59.30	57.61	0.17%			61.98		
PNJ	83.30	TĂNG	TĂNG	81.90	81.07	1.71%		77.07	78.69	8.08%	
POW	13.55	TĂNG	GIẢM	12.90	12.85	5.04%			13.98		



We Create Fortune

QNS	29.20	TĂNG	TĂNG	29.40	28.79	-0.68%		33.26	27.80	-12.20%	
REE	37.65	TĂNG	TĂNG	37.95	36.39	-0.79%		33.33	35.23	12.98%	
ROS	25.20	GIẢM	GIẢM		26.27				28.27		
SBT	18.75	TĂNG	TĂNG	16.50	18.31	13.64%		17.50	17.08	7.14%	
SSI	21.50	GIẢM	GIẢM		21.61				22.27		
STB	10.90	GIẢM	GIẢM		11.15				11.09		
TCB	23.75	TĂNG	TĂNG	22.65	23.69	4.86%		22.65	22.18	4.86%	
TPB	22.45	TĂNG	GIẢM	22.70	21.99	-1.10%			23.94		
VCB	88.80	TĂNG	TĂNG	80.00	85.24	11.00%		62.00	79.18	43.23%	
VCG	26.80	TĂNG	TĂNG	27.00	26.36	-0.74%		18.44	24.59	45.33%	
VCS	86.20	GIẢM	GIẢM		91.88				102.93		
VEA	49.10	GIẢM	GIẢM		52.14				59.45		
VGI	32.10	TĂNG	N/A	33.60	31.33	-4.46%			N/A		
VHM	95.20	TĂNG	TĂNG	88.80	86.72	7.21%		89.13	81.06	6.81%	
VIB	17.80	GIẢM	TĂNG		18.35			15.00	16.56	18.63%	
VIC	122.50	TĂNG	TĂNG	119.60	117.09	2.42%		112.00	113.76	9.38%	
VJC	145.50	TĂNG	TĂNG	139.40	142.66	4.38%		124.50	134.37	16.87%	
VNM	132.40	GIẢM	TĂNG		134.72			130.10	124.25	1.77%	
VPB	21.50	GIẢM	TĂNG		22.35			20.30	20.56	5.91%	
VRE	35.05	TĂNG	TĂNG	32.70	32.25	7.19%		35.05	34.98	0.00%	MUA

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	15.75	TĂNG	GIẢM	15.75	15.45	0.00%	MUA		16.59		
ANV	26.40	TĂNG	GIẢM	25.90	25.84	1.93%			27.58		
ASM	6.60	GIẢM	TĂNG		7.07			7.61	6.38	-13.27%	
BMI	26.40	TĂNG	TĂNG	26.00	25.61	1.54%		26.70	23.99	-1.12%	
BMP	53.00	TĂNG	TĂNG	51.80	52.57	2.32%		48.30	48.32	9.73%	
BWE	25.25	GIẢM	GIẢM		26.29			19.44	25.45	30.94%	BÁN
CEO	9.50	GIẢM	GIẢM		9.83				10.31		
CII	24.50	GIẢM	TĂNG		24.87			24.45	22.23	0.20%	
CRE	24.65	GIẢM	GIẢM		25.21				25.94		
CTI	25.00	TĂNG	TĂNG	24.00	24.16	4.17%		25.05	22.66	-0.20%	
CTR	49.30	TĂNG	GIẢM	46.50	47.26	6.02%			53.42		
D2D	82.00	TĂNG	TĂNG	72.50	80.25	13.10%		83.10	69.72	-1.32%	
DBD	53.90	GIẢM	TĂNG		54.90			38.65	50.35	39.45%	

We Create Fortune

DCM	7.36	GIẢM	TĂNG		7.59			7.63	7.15	-3.57%	
DGW	25.90	TĂNG	TĂNG	24.12	25.26	7.39%		23.04	23.07	12.42%	
DHC	37.70	TĂNG	TĂNG	33.00	34.69	14.24%		37.70	35.33	0.00%	MUA
DIG	13.40	GIẢM	TĂNG		14.31			13.90	13.14	-3.60%	
DPG	45.85	TĂNG	GIẢM	46.60	43.60	-1.61%			50.61		
DPM	13.90	GIẢM	TĂNG		14.60			14.95	13.37	-7.02%	
DRC	23.25	GIẢM	TĂNG		24.39			21.60	21.72	7.64%	
DXG	15.40	GIẢM	TĂNG		16.40			15.50	14.86	-0.65%	
E1VFN30	15.50	GIẢM	TĂNG		15.60			15.26	14.82	1.57%	
FCN	12.15	GIẢM	GIẢM		12.69				13.36		
FLC	4.50	GIẢM	TĂNG	5.01	4.66	-7.02%	BÁN	4.63	4.02	-2.81%	
GEG	27.90	TĂNG	TĂNG	28.10	27.26	-0.71%		12.50	24.99	123.16%	
GMD	26.70	TĂNG	TĂNG	27.40	26.51	-2.55%		28.50	26.02	-6.32%	
GTN	20.40	TĂNG	TĂNG	20.00	19.95	2.00%		15.00	18.39	36.00%	
HAG	4.23	TĂNG	GIẢM	4.46	4.21	-5.16%			4.83		
HBC	12.95	GIẢM	GIẢM		13.80				15.19		
HCM	23.90	TĂNG	TĂNG	23.90	23.30	0.00%	MUA	23.40	21.08	2.14%	
HDC	21.95	GIẢM	TĂNG		23.10			15.25	20.01	43.93%	
HDG	35.35	GIẢM	TĂNG		36.25			35.30	32.61	0.14%	
HPX	26.35	GIẢM	#N/A		26.96			35.30	#N/A	#N/A	
HSG	7.20	TĂNG	GIẢM	7.19	6.90	0.14%			7.42		
HT1	16.90	TĂNG	TĂNG	16.55	16.10	2.11%		16.90	16.70	0.00%	MUA
HTM	15.10	TĂNG	GIẢM	16.80	14.68	-10.12%			18.90		
IBC	20.75	TĂNG	GIẢM	20.60	20.45	0.73%			21.22		
IDI	5.30	GIẢM	TĂNG		5.59			7.53	5.22	-29.61%	
IJC	15.20	GIẢM	TĂNG		15.89			13.10	13.74	16.03%	
ITA	3.19	TĂNG	TĂNG	3.29	3.09	-3.04%		3.20	2.96	-0.31%	
KBC	14.55	GIẢM	TĂNG		15.34			14.85	13.91	-2.00%	
KDC	21.65	TĂNG	TĂNG	21.50	20.98	0.70%		21.90	18.93	-1.14%	
KOS	27.70	TĂNG	TĂNG	26.80	26.82	3.36%		26.30	25.07	5.32%	
KSB	18.55	GIẢM	GIẢM		20.29				23.17		
LDG	10.30	GIẢM	TĂNG		10.75			9.89	10.08	4.15%	
LPB	7.50	TĂNG	GIẢM	7.70	7.30	-2.60%			8.13		
MBG	42.30	TĂNG	TĂNG	13.70	38.44	208.76%		5.10	32.27	729.41%	
MBS	14.30	GIẢM	GIẢM		15.00				16.09		
MPC	22.20	GIẢM	GIẢM		23.35				27.72		
NBB	20.70	TĂNG	GIẢM	20.85	20.20	-0.72%			22.02		
NKG	6.06	TĂNG	GIẢM	5.84	5.93	3.77%			6.45		

We Create Fortune

NLG	28.75	TĂNG	TĂNG	28.60	27.93	0.52%		26.28	26.73	9.39%	
NT2	23.10	GIẢM	GIẢM		23.57				24.95		
NTL	22.65	TĂNG	GIẢM	22.90	22.12	-1.09%			25.17		
NVB	9.20	TĂNG	TĂNG	7.60	8.45	21.05%		8.50	7.74	8.24%	
OGC	4.00	TĂNG	GIẢM	4.01	3.91	-0.25%			4.28		
PC1	18.90	GIẢM	TĂNG		19.90			19.30	18.48	-2.07%	
PDR	26.00	GIẢM	TĂNG		26.43			23.59	25.01	10.19%	
PHR	58.70	GIẢM	GIẢM		62.65				65.37		
PPC	26.20	TĂNG	GIẢM	26.20	26.13	0.00%	MUA		28.36		
PTB	73.80	TĂNG	TĂNG	69.70	72.71	5.88%		60.78	68.01	21.42%	
PVD	16.40	GIẢM	TĂNG		16.92			18.10	15.96	-9.39%	
PVI	32.20	TĂNG	GIẢM	33.20	31.12	-3.01%			36.38		
PVS	18.60	GIẢM	GIẢM		18.92				20.75		
PVT	17.30	TĂNG	TĂNG	17.30	17.22	0.00%	MUA	17.31	16.28	-0.03%	
QCG	4.65	TĂNG	GIẢM	4.76	4.53	-2.31%			5.27		
SCR	6.20	GIẢM	GIẢM		6.29				6.65		
SGP	8.60	GIẢM	GIẢM		9.51			12.30	8.95	-27.24%	BÁN
SHB	6.60	TĂNG	GIẢM	6.60	6.42	0.00%			6.86		
SHS	8.50	TĂNG	TĂNG	7.30	7.99	16.44%		8.40	7.19	1.19%	
SZC	17.75	TĂNG	#N/A	18.30	17.33	-3.01%			#N/A		
TCH	23.30	TĂNG	GIẢM	23.30	23.18	0.00%	MUA		25.82		
TCM	21.75	GIẢM	GIẢM		22.65				25.14		
TDH	9.80	GIẢM	GIẢM		10.51				11.77		
TNG	15.80	GIẢM	GIẢM		16.45				19.09		
TTB	19.30	GIẢM	GIẢM		20.95				23.98		
VGC	18.90	TĂNG	GIẢM	20.00	18.77	-5.50%			20.53		
VGT	8.70	GIẢM	GIẢM		8.98				9.78		
VHC	81.50	TĂNG	GIẢM	81.30	78.11	0.25%			87.01		
VND	13.70	GIẢM	GIẢM		14.02				14.93		
VNG	22.50	TĂNG	TĂNG	19.10	22.07	17.80%		20.20	20.93	11.39%	
VPI	42.20	TĂNG	TĂNG	42.20	40.28	0.00%		41.30	39.68	2.18%	

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	9.10	GIẢM	GIẢM		9.33				10.38		
AGR	4.21	TĂNG	GIẢM	4.55	4.21	-7.47%			4.85		

We Create Fortune

AMD	1.60	TĂNG	GIẢM	1.49	1.60	7.38%			1.67		
APG	8.76	TĂNG	TĂNG	8.76	8.68	0.00%	MUA	9.90	7.90	-11.52%	
ART	2.20	TĂNG	GIẢM	2.00	1.98	10.00%			2.25		
BCG	8.00	TĂNG	TĂNG	8.60	7.78	-6.98%		6.39	7.30	25.20%	
C4G	6.60	TĂNG	GIẢM	6.90	6.22	-4.35%			7.72		
C69	13.90	GIẢM	GIẢM		19.44				26.16		
CCL	7.00	GIẢM	GIẢM		7.50				8.70		
CVT	23.10	TĂNG	TĂNG	21.25	22.63	8.71%		20.35	20.61	13.51%	
DAH	10.10	TĂNG	GIẢM	10.60	9.94	-4.72%			11.48		
DLG	1.61	TĂNG	GIẢM	1.57	1.55	2.55%			1.65		
DRH	5.00	GIẢM	GIẢM		5.67				7.54		
DTD	12.80	GIẢM	GIẢM		14.57				17.28		
EVG	2.75	TĂNG	GIẢM	2.78	2.65	-1.08%			2.90		
FIT	4.16	GIẢM	TĂNG	3.59	4.18	16.32%	BÁN	3.64	3.79	14.29%	
FTM	3.42	TĂNG	GIẢM	3.93	3.28	-12.98%			6.96		
FUES SV50	13.50	TĂNG	TĂNG	13.30	13.24	1.50%		12.85	12.78	5.06%	
GKM	15.10	TĂNG	GIẢM	15.00	14.82	0.67%			15.54		
HAH	13.20	GIẢM	GIẢM		14.16			13.00	13.89	6.82%	BÁN
HAI	1.88	TĂNG	TĂNG	1.69	1.76	11.24%		1.88	1.80	0.00%	MUA
HAR	3.49	GIẢM	GIẢM		3.64				3.88		
HDA	10.70	GIẢM	GIẢM		11.14				12.07		
HHP	12.20	TĂNG	GIẢM	12.20	11.53	0.00%			13.51		
HHS	3.16	GIẢM	TĂNG		3.33			3.36	2.94	-5.95%	
HID	2.51	TĂNG	TĂNG	2.10	2.37	19.52%		2.63	2.14	-4.56%	
HII	11.25	GIẢM	GIẢM		11.77				12.29		
HQC	1.12	TĂNG	GIẢM	1.15	1.09	-2.61%			1.25		
HSL	7.88	GIẢM	GIẢM		8.10				9.29		
HUT	2.40	TĂNG	GIẢM	2.40	2.38	0.00%			2.71		
HVG	5.45	TĂNG	TĂNG	3.02	4.62	80.46%		3.90	2.45	39.74%	
HVH	18.35	TĂNG	GIẢM	18.60	18.14	-1.34%			21.39		
IDJ	6.50	GIẢM	TĂNG	5.90	6.86	16.26%	BÁN	7.20	5.42	-9.72%	
JVC	4.10	GIẢM	GIẢM		4.53			3.10	4.11	32.50%	BÁN
KLF	1.30	TĂNG	GIẢM	1.40	1.11	-7.14%			1.48		
LCG	8.18	GIẢM	GIẢM		8.54				9.43		
LGL	10.45	GIẢM	TĂNG		10.70			7.11	9.49	46.91%	
LHG	15.20	GIẢM	GIẢM		15.80				17.63		
LMH	12.75	GIẢM	#N/A		13.44				#N/A		
MST	3.50	TĂNG	TĂNG	2.80	3.38	25.00%		3.40	2.97	2.94%	



We Create Fortune

NDN	16.60	GIẢM	TĂNG		17.05			13.10	16.27	26.68%	
PHC	12.05	TĂNG	TĂNG	13.30	11.92	-9.40%		14.20	11.21	-15.14%	
PLP	10.35	GIẢM	GIẢM		10.90			10.95	10.55	-3.65%	BÁN
PVB	19.00	GIẢM	TĂNG		20.09			19.42	18.62	-2.15%	
PVC	7.60	TĂNG	TĂNG	6.89	6.76	10.33%		6.70	6.30	13.43%	
PVX	1.20	GIẢM	GIẢM		1.44				1.50		
PXL	6.40	TĂNG	GIẢM	5.50	5.71	16.36%			6.41		
SHI	9.20	GIẢM	TĂNG		9.42			5.77	8.30	59.58%	
SJF	2.20	GIẢM	GIẢM		2.43				3.02		
SPP	2.20	GIẢM	GIẢM		2.45				3.23		
TDC	8.70	GIẢM	TĂNG		9.00			7.05	8.48	23.33%	
TIG	4.50	TĂNG	TĂNG	3.40	4.32	32.35%		3.20	3.64	40.63%	
TLH	3.65	GIẢM	GIẢM		4.17				4.75		
TNA	18.20	TĂNG	TĂNG	13.70	16.63	32.85%		11.45	14.40	58.94%	
TNI	10.10	GIẢM	GIẢM		10.16				10.89		
TSC	3.34	TĂNG	TĂNG	1.88	2.89	77.66%		1.58	2.31	111.39%	
TTF	2.81	TĂNG	GIẢM	2.93	2.80	-4.10%			3.22		
TTH	2.70	GIẢM	GIẢM		2.97				3.27		
TVC	15.60	GIẢM	TĂNG		16.13			14.30	14.38	9.09%	
VC3	24.40	GIẢM	TĂNG		24.73			22.00	23.05	10.91%	
VCR	18.00	GIẢM	GIẢM		19.48				23.69		
VNA	4.30	GIẢM	TĂNG		4.95			4.70	3.92	-8.51%	
VNE	3.45	TĂNG	GIẢM	3.35	3.45	2.99%			3.70		
VRC	16.10	TĂNG	GIẢM	16.05	15.35	0.31%			16.26		



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	1015.59	1.68%
VN30	933.55	1.18%
VN Mid	969.88	0.14%
VN Small	786.32	-0.30%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	105.75	0.53%
HN30	186.27	0.53%
VNX AllSh	897.33	1.41%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	56.22	-0.02%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	881.7	
Bán	627.68	
GT rỗng	254.02	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	147.55	
Bán	4.68	
GT rỗng	142.86	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	22.93	
Bán	31.19	
GT rỗng	-8.26	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VHM	6200	6.97%
HVG	350	6.86%
VRE	1850	5.57%
HCM	1100	4.82%
HVN	1500	4.29%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DHT	3100	6.19%
MBG	2100	5.22%
VCR	800	4.65%
SHS	300	3.66%
TNG	500	3.27%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VCP	5000	13.16%
PXL	400	6.67%
NTC	7500	4.69%
SDI	3100	2.75%
C4G	100	1.54%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TLG	-3000	-6.12%
FLC	-250	-5.26%
CTD	-2900	-3.67%
HAX	-600	-3.26%
KSB	-450	-2.37%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TVC	-200	-1.27%
VCG	-200	-0.74%
NDN	0	0.00%
PVI	0	0.00%
SHB	0	0.00%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SIP	-4300	-3.96%
NHH	-1500	-3.07%
MPC	-500	-2.20%
KDF	-700	-1.93%
GVR	-200	-1.42%

\*GTVH > 500 tỷ đồng, GTGD > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	409,877	
VCB	329,348	
VHM	318,874	
VNM	230,558	
GAS	200,008	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	39,236	
VCS	13,792	
VCG	11,838	
PVS	8,890	
SHB	7,941	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	174,371	
VGI	97,734	
VEA	65,284	
GVR	55,504	
MCH	52,181	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	40,652,000	25,167,729
FLC	26,249,610	13,993,997
VRE	10,564,770	3,429,413
HVG	7,164,720	1,465,727
AAA	6,550,740	2,401,383

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
NVB	16,609,575	1,878,991
SHB	1,985,704	2,903,466
ACB	1,907,428	4,890,427
PVS	1,745,886	1,719,113
PVX	1,687,895	443,084

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
BSR	1,429,750	1,778,857
VCP	1,016,138	174,604
GVR	575,302	562,861
PXL	539,015	412,214
LPB	514,198	663,585

Nguồn: Bloomberg & YSVN

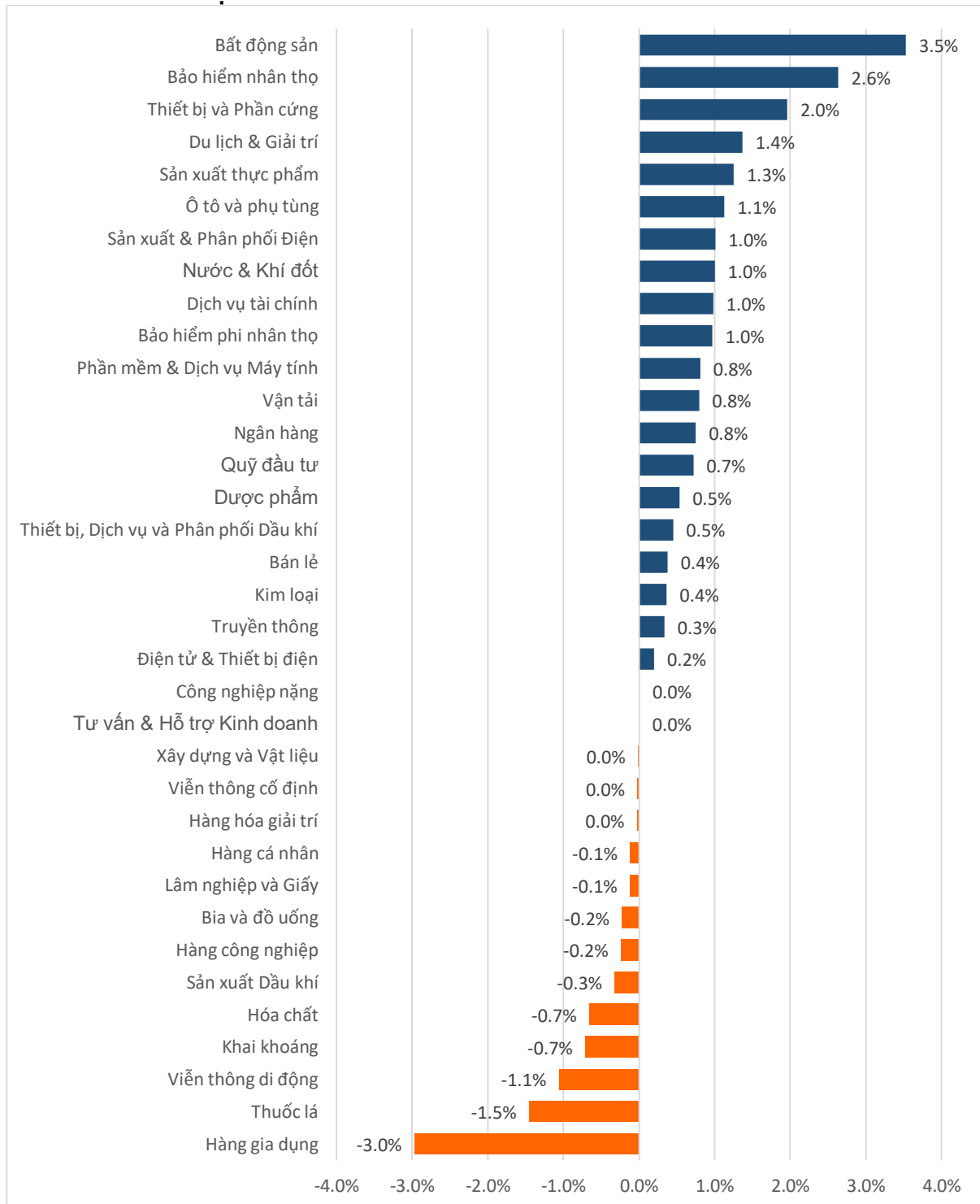
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



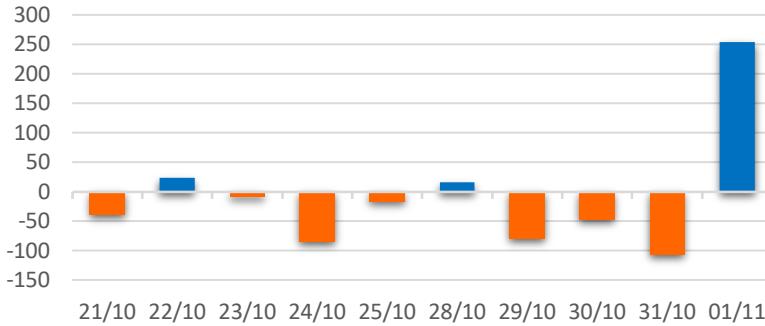
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

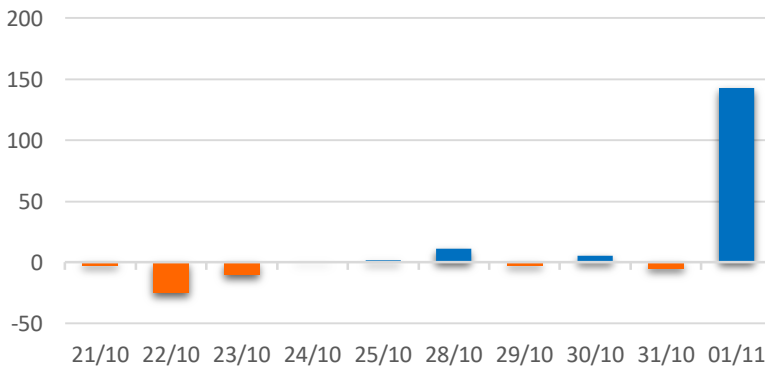
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VRE	103,981	KDH	46,135
VHM	73,647	MSN	22,919
VNM	53,985	ROS	21,065
VCB	50,378	SSI	19,848
VIC	40,473	NVL	6,817

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

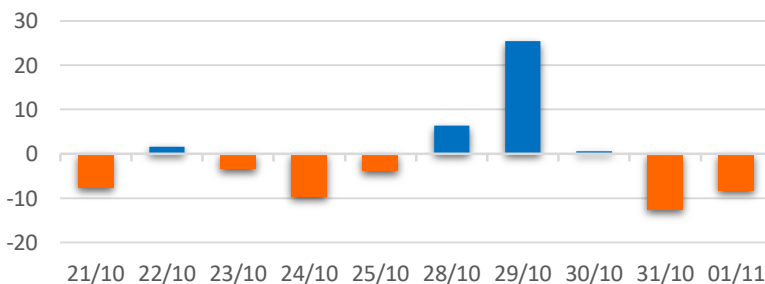
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
NVB	141,591	MAS	516
CEO	1,394	S55	173
SHS	309	HHP	119
TNG	245	DGC	119
SHB	134	PVI	93

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại  
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VGI	706	VEA	3,312
VTP	635	ACV	2,590
MFS	328	BSR	1,946
ABI	300	SDV	896
LTG	236	CTR	384

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



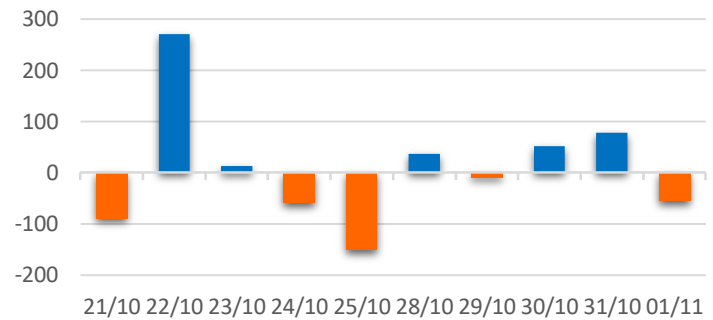
We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

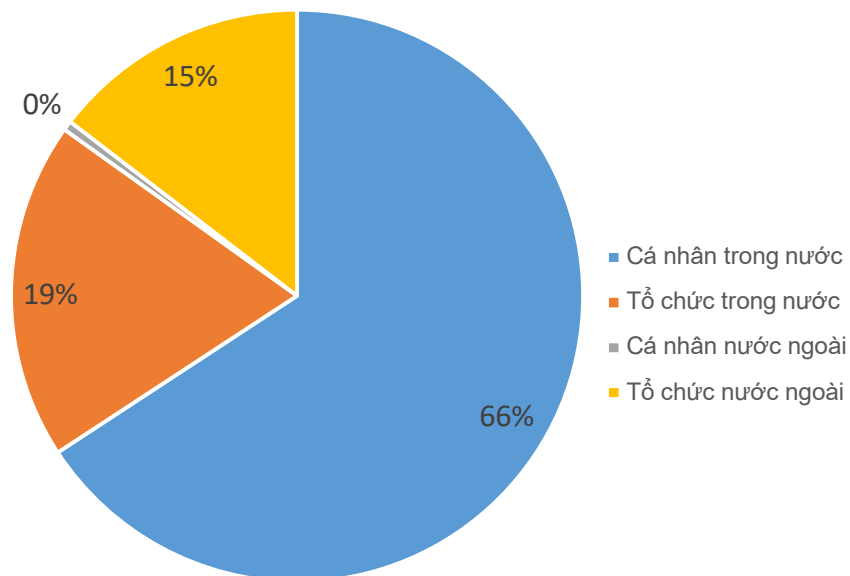
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
<b>EIB</b>	52,950	<b>EIB</b>	46,050
<b>MBB</b>	9,421	<b>NBB</b>	21,950
<b>MWG</b>	6,381	<b>VHM</b>	19,510
<b>VRE</b>	6,128	<b>VRE</b>	11,889
<b>VNM</b>	4,752	<b>GEX</b>	8,980

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



## CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

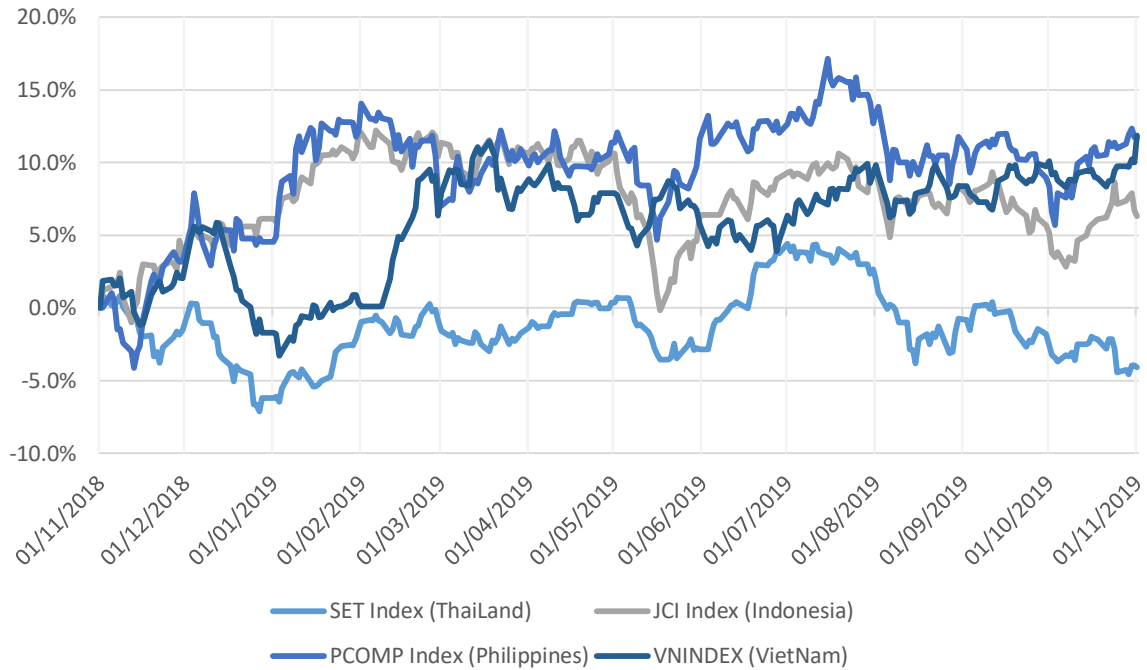


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

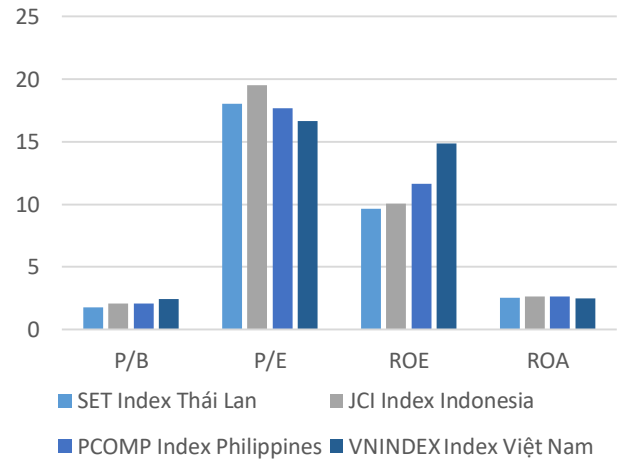
### Diễn biến các thị trường trong khu vực



#### Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.8x	2.1x	2.0x	2.4x
P/E		18.0x	19.5x	17.7x	16.7x
ROE	%	9.63	10.05	11.63	14.86
ROA	%	2.52	2.65	2.61	2.48
Vốn hóa	Tỷ USD	556.26	512.07	196.32	145.69
GTGD	Triệu USD	1.77	0.60	0.12	0.15
LS cổ tức	%	3.14	2.47	1.64	1.84

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

### Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thế Minh**

**Giám đốc Nghiên cứu Phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

**Quách Đức Khánh**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

**Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

**Phạm Tấn Phát**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

### Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thanh Tùng**

**Giám đốc Môi giới Hội Sở**

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

**Nguyễn Việt Quang**

**Giám đốc chi nhánh Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

**Nguyễn Đức Hoàn**

**Giám đốc trung tâm kinh doanh  
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

**Chung Kim Hoa**

**Giám đốc Khối khách hàng người Hoa**

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

**Võ Thị Thu Thủy**

**Giám đốc chi nhánh Bình Dương**

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

**Võ Đình Tuấn**

**Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng**

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn

**Phù Vĩnh Qué**

**Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn**

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

**Bùi Quốc Phong**

**Giám đốc chi nhánh Đồng Nai**

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn



We Create Fortune

## Appendix A: Important Disclosures

### Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

### Ratings Definitions

**BUY:** We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

**HOLD-Outperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**HOLD-Underperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**SELL:** We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

**Under Review:** We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

**Restricted:** The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

### Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written